TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 50/2026/QĐST-VHNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 09 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Số E, P, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Số B P, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về quan hệ hôn nhân:***

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T1 đăng ký kết hôn ngày 28/8/2019 tại Ủy ban nhân dân phường X – Đ, tỉnh Lâm Đồng (phường 1 cũ), kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên xác định hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà T1 cùng xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chăm sóc quan tâm lẫn nhau, không thống nhất trong việc nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã nhiều lần cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng cũng không cải thiện được.Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đồng thuận đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

[2]. ***Về con chung:***

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu: Nguyễn Hoàng Khải A, sinh ngày: 31/3/2019 và Nguyễn Hoàng Khải U, sinh ngày: 25/10/2022. Khi ly hôn các bên thống nhất giao con chung cho bà Trần Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung số tiền là 1.300.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3]. ***Về tài sản chung và nợ chung***: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4]. ***Về án phí, lệ phí Tòa án:*** Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc T1 thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao các con chung là: Nguyễn Hoàng Khải A, sinh ngày: 31/3/2019 và Nguyễn Hoàng Khải U, sinh ngày: 25/10/2022 cho bà Trần Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.300.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02/2026.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về lệ phí Tòa án:* Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Ngọc T1 nhận chịu 300.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Lâm Đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000933 ngày 14/01/2026. Ông T, bà T1 đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương – Đà Lạt (phường 1 cũ);
- Đương sự; Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Phương Dung

TAND KHU VỰC 1

YJK090226.TL.QDBA
638